

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2024

V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám

Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quốc V – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Trần Phong V1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(chị P có đơn xin vắng mặt, anh V1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Phong V1 kết hôn với nhau do mai mối, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 03 tháng 3 năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 5 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, anh V1 không lo làm ăn tạo kinh tế để chăm lo cho

gia đình, anh **V1** có quen người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ khoảng tháng 5/2023 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được xin ly hôn với ông **Trần Phong V1**.

Về con chung: có 02 con chung tên **Trần Nguyễn Vũ L**, sinh ngày 03/7/2009 và **Trần Nguyễn Vũ K**, sinh ngày 13/11/2011. Khi ly hôn chị **P** yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh **V1** cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/02 con/01 tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Hiện anh **V1** đang làm tài xế lái xe tải cứu hộ và ở tại nơi làm việc luôn, thu nhập của anh **V1** khoảng 11.000.000 đồng/01 tháng. Chị hiện đang làm công nhân ở Long An, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn **Trần Phong V1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh **V1** vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận: yêu cầu xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị Mỹ P** cho chị **P** được ly hôn với anh **Trần Phong V1**.

- Về con chung: Giao cháu **Trần Nguyễn Vũ L**, sinh ngày 03/7/2009 và **Trần Nguyễn Vũ K**, sinh ngày 13/11/2011 cho chị **P** nuôi dưỡng, anh **Trần Phong V1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con chung, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi cháu **Vũ V2** và cháu **Vũ Kha thành n** và có khả năng lao động.

Anh **Trần Phong V1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị **P** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh **Vũ c** thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Chị **P** trình bày không có, anh **V1** thì không có ý kiến gì về tài sản chung. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị **P** trình bày không có, anh **V1** thì không có ý kiến gì về nợ chung. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Phong V1 vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, bị đơn anh Trần Phong V1 có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mỹ P và anh Trần Phong V1 tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 03/3/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến khoảng tháng 5 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, anh V1 không lo làm ăn tạo kinh tế để chăm lo cho gia đình, anh V1 có quen người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ khoảng tháng 5/2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đoàn tụ lại sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh V1. Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi chị P và anh V1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến 2023 phát sinh mâu thuẫn. Từ lúc ly thân cho đến nay thì chị P và anh V1 không còn liên lạc với nhau. Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh V1 để thông báo về yêu cầu ly hôn của chị P, nhưng anh V1 không có ý kiến gì; không có mặt tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, anh V1 không thể hiện được ý kiến, cũng không đưa ra biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh V1 không đến trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án là anh V1 đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Mặc dù, Tòa án đã động viên nhưng chị P vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh V1. Từ những tình tiết trên, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị P anh V1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên **Trần Nguyễn Vũ L**, sinh ngày 03/7/2009 và **Trần Nguyễn Vũ K**, sinh ngày 13/11/2011. Khi ly hôn chị **P** yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh **V1** cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/02 con/01 tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay thì anh **V1** cũng không đến nên coi như anh đã từ bỏ quyền của mình đối với yêu cầu về nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, theo lời khai của cháu **Vũ V2** và **Vũ K** có nguyện vọng được sống với chị **P** khi chị **P** và anh **V1** ly hôn. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu **Vũ V2** và **Vũ K**, nên giao cháu **Trần Nguyễn Vũ V3** và **Trần Nguyễn Vũ K** cho chị **Nguyễn Thị Mỹ P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét, đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*". Do đó, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị **P** là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận. Để đảm bảo được quyền lợi của cháu **Vũ V3** và **Vũ K** về chi phí sinh hoạt, điều kiện sống, học tập tốt hơn nên cần buộc anh **Trần Phong V1** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **Trần Nguyễn Vũ L**, sinh ngày 03/7/2009 và **Trần Nguyễn Vũ K**, sinh ngày 13/11/2011 số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 con chung/01 tháng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi cháu **Vũ V3** và **Vũ K** tròn 18 tuổi và có khả năng lao động được.

[5] Về tài sản chung: Chị **P** trình bày không có, anh **V1** thì không có ý kiến gì về tài sản chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị **P** trình bày không có, anh **V1** thì không có ý kiến gì về nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc chị **Nguyễn Thị Mỹ P** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận một phần đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ P được ly hôn với anh Trần Phong V1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Vũ L, sinh ngày 03/7/2009 và Trần Nguyễn Vũ K, sinh ngày 13/11/2011 cho chị Nguyễn Thị Mỹ P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Trần Phong V1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (Hai triệu) đồng/01 con/01 tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi cháu Vũ V3 và Vũ Kha thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Vũ c thực hiện nghĩa vụ thi hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Trần Phong V1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai số 0004539 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy. Nên chị P còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Kim Thoa

